Danh sách ngày thu gom rác (ví dụ thu gom giấy báo cũ)

Tại Quận Nakano các loại giấy báo cũ như「báo.tạp chí (sách).bìa cứng .giấy có thể tái chế」sẽ được thu gom tại khu「thu gom rác tập thể※」. Từng địa phương thì ngày thu gom và danh mục rác sẽ có sự khác nhau. Vì vậy, vui lòng xác nhận ở bảng bên dưới , đưa rác ra trước 8h sáng (không đc đưa rác ra từ ngày hôm trước).

※Thu gom rác tập thể là:
Là chương trình tự giác thu thập giấy báo cũ mà người dân địa phương ví dụ như hội quản lí địa phương và hội tự quản, thực hiện với mục đích giảm thiểu rác thải, bảo vệ tài nguyên môi trường.

【Lưu ý】☐Không chỉ giấy báo cũ mà **quần áo cũ, vải cũ cũng được thu gom (tuy nhiên loại trừ một số khu vực)**. Đối với quần áo cũ, vải cũ vui lòng mang đến khu tập kết rác vào những ngày được dự báo trời không mưa cả ngày (Trong trường hợp trời mưa thì dù bạn có bỏ vào túi cũng sẽ bị ướt và không thể tái sử dụng)
☐Các loại giấy báo cũ được sử dụng trong các hoạt động kinh doanh (công ty・cửa hàng) không thể đưa ra khu thu gom rác tập thể.
☐Ngoại trừ các trường hợp được ghi dưới đây,thì có trường hợp các khu nhà ở tập thể như chung cư sẽ thực hiện thu gom rác riêng . Các vấn đề như danh mục rác vui lòng xác nhận trực tiếp từ người quản lí tòa nhà.

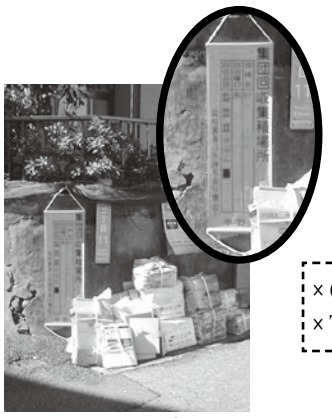

▲ Ví dụ khu tập kết thu gom rác tập thể. Theo nguyên tắc dấu hiệu nhận biết là cờ và rèm màu cam (tùy từng thành phố, có trường hợp không có dấu hiệu nhận biết).

Nhân vật giảm lượng rác thải của Quận Nakano Gominon.

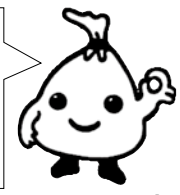

Không đưa giấy báo cũ ra khu tập kết từ ngày hôm trước.

× Có nguy cơ bị đốt cháy
× Trở thành nguyên nhân của việc bị lấy đi

Tháng 2 năm 2024, thời điểm hiện tại

【Cách xem bảng biểu】 Tên thành phố sẽ theo thứ tự phát âm trong tiếng Nhật. Cột ngoài cùng bên phải「Danh mục rác ngoại trừ giấy báo cũ」thì sẽ được quy định như sau: quần áo cũ・vải cũ, Lon nhôm, lon sắt.

Tên địa phương		Địa phương (Khu phố.Đường)	Tên quản lí・tự quản	Ngày thu gom	Danh mục thu gom rác ngoại trừ giấy báo cũ
あ	Arai	**Arai 1 Chome** 1, 2 (Một phần), 3 (Một phần)	Shousan Jichikai	Thứ 4	
		Arai 1 Chome 2 (Một phần), 3 (Một phần), 4, 5, 12 ～ 35	Arai Higashi Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 1 Chome 6 ～ 11, **Arai 2 Chome** 1 ～ 8, 20 ～ 35, 37, 38	Arai Minami Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 1 Chome 36 ～ 43, **Arai 2 Chome** 10 (Một phần), 11, 12 **Arai 5 Chome** 1 ～ 4, 6 ～ 19, 21 ～ 31 , 32 (Một phần), 33 (Một phần)	Arai Naka Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 2 Chome 9, 10 (Một phần), 13 ～ 19, 36, 39 ～ 43, **Arai 3 Chome** 1 ～ 7, 9 (Một phần), 10 ～ 23, 37 **Arai 4 Chome** 1 (Một phần)	Arai Nishi Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 2 Chome 44 ～ 51, **Arai 3 Chome** 24 ～ 36	Nokata Hiagashi Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 3 Chome 8, 9 (Một phần), **Toàn bộ Arai 4 Chome** (Trừ một phần khu 1) **Arai 5 Chome** 5, 20, 32 (Một phần), 33 (Một phần)	Arai Kita Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Arai 3 Chome 38	Numabukuro Shinwa Kai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
え	Egota	**Egota 1 Chome** 1 ～ 39	Egota 1 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Egota 1 Chome 40 ～ 43, **Toàn bộ Egota 2 Chome**, **Toàn bộ Egota 3 Chome**	Asahi Kouminkan Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Egota 4 Chome	Egota 4 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
	Eharacho	**Eharacho 1 Chome** 1 ～ 4, 19 ～ 21	Egota 1 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Eharacho 1 Chome 5 ～ 18, 22, 23 (Một phần), 24, 25 (Một phần), 26 (Một phần), 28 ～ 34, 36 (Một phần), 37 (Một phần), 38 ～ 47, **Toàn bộ Eharacho 2 Chome**, **Toàn bộ Eharacho 3 Chome**	Eharacho Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Eharacho 1 Chome 23 (Một phần), 26 (Một phần), 27, 35, 36 (Một phần), 37 (Một phần)	Egota Jyutaku Jichikai	Thứ 5 của tuần thứ 1, tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Eharacho 1 Chome 25 (Một phần)	Asahi Kouminkan Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
か	Kamisaginomiya	**Toàn bộ Kamisaginomiya 1 Chome** , **Toàn bộ Kamisaginomiya 2 Chome** (Trừ một phần khu 4), **Toàn bộ Kamisaginomiya 3 Chome**, **Kamisaginomiya 5 Chome** 2 (Một phần)	Kitasagi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamisaginomiya 2 Chome 4 (Một phần)	Toei Kamisaginomiya 2 Chome Apato Jichikai	Thứ 2 của tuần thứ 1, tuần thứ 3/ Thứ 2 hàng tuần (lon kim loại)	Quần áo cũ, vải cũ・Lou nhôm・lon sắt
		Toàn bộ Kamisaginomiya 4 Chome	Kamisaginomiya 4 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Kamisaginomiya 5 Chome (Trừ một phần khu 2)	Kamisaginomiya 5 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
	Kamitakada	**Kamitakada 1 Chome** 1 (Một phần), 2 (Một phần), 3 (Một phần)	Shoichi Bunka Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 1 Chome 1 (Một phần), 2 (Một phần), 3 (Một phần), 4 ～ 25, 26 (Một phần), 27 (Một phần), 28, 29, 30 (Một phần), 31 (Một phần), 32, 33, 34 (Một phần), 35 (Một phần), 36 (Một phần), 37 (Một phần), 38 ～ 50	Kamitakada Kyowa Kai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 1 Chome 26 (Một phần), 27 (Một phần), 30 (Một phần), 31 (Một phần), 34 (Một phần), 35 (Một phần), 36 (Một phần), 37 (Một phần)	Shouni Chokai	Thứ 7	
		Kamitakada 2 Chome 1 (Một phần), 2, 3 (Một phần), 4 ～ 39, 40 (Một phần), 41 ～ 58	Kamitakada 2 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 2 Chome 1 (Một phần), 3 (Một phần), 40 (Một phần)	Shousan Jichikai	Thứ 4	
		Toàn bộ Kamitakada 3 Chome (Trừ khu 1, 2)	Kamitakada Rinjin Kyouryoku Kai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 3 Chome 1, 2, **Kamitakada 4 Chome** 1 ～ 16, 17 (Một phần), 18 ～ 23, 28 ～ 48	Kamitadaka Higashi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 17 (Một phần)	Nakano Kamitakada Kousou Danchi Chokai	Thứ 7 của tuần thứ 1.tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 24	Kamitakada 4 Chome Apato 3 Goutou Jichikai	Thứ 7 của tuần thứ 1.tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 25	Toei Kamitakada Apato Daiichi Jichikai	Thứ 7 của tuần thứ 1.tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Kamitakada 4 Chome 26, 27	Kamitakada Shinkou Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Kamitakada 5 Chome	Kamitakada Kita Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
さ	Saginomiya	**Saginomiya 1 Chome** 1, 2, 5	Wakamiya 1 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 1 Chome 3, 4, 7 ～ 13, 20 ～ 24, 29 ～ 31, **Toàn bộ Saginomiya 2 Chome**, **Toàn bộ Saginomiya 3 Chome** (Trừ khu 1 ～ 6, 14)	Saginomiya 3 Chome Chokai	Thứ 3	
		Saginomiya 1 Chome 6, 14 ～ 19, 25 ～ 28 , **Saginomiya 3 Chome** 1 ～ 6, 14	Wakamiya 3 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Saginomiya 4 Chome (Trừ khu 45, 46)	Saginomiya 4 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 4 Chome 45, 46, **Toàn bộ Saginomiya 5 Chome** (Trừ khu 12 ～ 16), **Saginomiya 6 Chome** 26, 27	Kitasagi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 5 Chome 12 ～ 16, **Saginomiya 6 Chome** 1 ～ 17, 20 (Một phần), 21, 22, 24, 25	Saginomiya 6 Chome Nanbu Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Saginomiya 6 Chome 18, 19, 20 (Một phần), 23, 28 ～ 31	Saginomiya 6 Chome Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
し	Shirasagi	**Shirasagi 1 Chome** 1, 2, 3, 5	Ronan Jichinokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Shirasagi 1 Chome 4, 7 (Một phần)	Saginomiya Toei Jyutaku Jichikai	Thứ 4 của tuần thứ 2.tuần thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Shirasagi 1 Chome 6, 7 (Một phần), 8 ～ 11, 12 (Một phần), 13 (Một phần), 15 ～ 29 **Toàn bộ Shirasagi 2 Chome** (Trừ một phần khu 48, Trừ khu 50)	Shirasagi Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Shirasagi 1 Chome 12 (Một phần), 13 (Một phần)	Toei Shirasagi 1 Chome Dai 4 Apato Jichikai	Thứ 7 của tuần thứ 1.tuần thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Shirasagi 1 Chome 14 (Một phần), 30, 31, **Shirasagi 2 Chome** 48 (Một phần)	Saginomiya 3 Chome Chokai	Thứ 3	
		Shirasagi 1 Chome 14 (Một phần)	Toei Shirasagi 1 Chome Dai 2 Apato Jichikai	Thứ 2 của tuần thứ 1 (giấy báo cũ)/thứ hai hàng tuần (chai thủy tinh .lon kim loại)	Quần áo cũ, vải cũ・Lou nhôm・lon sắt ※ Cũng thu thập chai thủy tinh
		Shirasagi 2 Chome 50, **Shirasagi 3 Chome** 2	Saginomiya Nishi Jyutaku Jichikai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Shirasagi 3 Chome (Trừ khu 2)	Shirasagi 3 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
ち	Chuo	**Chuuou 1 Chome** 1, 21, 33 ～ 38	Nakahon Ichi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 2 ～ 12, 13 (Một phần), 14, 15, 18, 19, 20 (Một phần)	Koyodo Higashi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 13 (Một phần), 25, 51, 52, **Chuuou 2 Chome** 21 ～ 23	Miyaichi Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 16, 17, 20 (Một phần), 22 ～ 24, 26 ～ 32	Koyodo Nishi Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 1 Chome 40 ～ 50, **Chuuou 2 Chome** 7 ～ 20	Tounoyama Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 2 Chome 1 ～ 6, 29, 30	Honcho Doori 2 Chome Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 2 Chome 24 ～ 28, 31 ～ 34, 38 ～ 56	Honsan Miyamae Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 2 Chome 35 ～ 37, 57 ～ 59	Miyani Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 1, 2, 22 ～ 26	Honsan Nishi Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 3 ～ 10, 15 ～ 21, 27, 45 ～ 47	Nakacho Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 11 ～ 14, 48 ～ 51, **Chuuou 4 Chome** 42, 43, 44 (Một phần), 45, 52	Miyasan Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 28, 29, 37 ～ 44, **Chuuou 4 Chome** 11 ～ 14, 20 ～ 23, 31 ～ 41, 44 (Một phần), 46 ～ 51	Kamicho Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 3 Chome 30 ～ 36, **Chuuou 4 Chome** 1 ～ 3, 8 ～ 10	Nabeyoko Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 4 Chome 4, 5, 6 (Một phần), 7, **Chuuou 5 Chome** 1 ～ 10	Shin Nakano Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 4 Chome 6 (Một phần), 15 ～ 19, 24 ～ 30, 54 ～ 58, 59 (Một phần), **Chuuou 5 Chome** 32 ～ 43	Hashiba Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 4 Chome 53, 59 (Một phần), 60, 61, **Chuuou 5 Chome** 49	Nakano Eki Nankou Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 5 Chome 11 ～ 19, 20 (Một phần), 21 (Một phần), 27 (Một phần)	Honcho Doori 6 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Chuuou 5 Chome 20 (Một phần), 21 (Một phần), 22 ～ 26, 27 (Một phần), 28 ～ 31, 44 ～ 48	Miyamomo Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ

Tiếp tục ở mặt sau.

ベトナム語版

【Địa chỉ liên hệ】 Ban thúc đẩy kế hoạch không có rác Quận Nakano
☎ 03(3228)5555 FAX 03(3228)5634

Xem từ mặt trước

【Cách xem bảng biểu】 Tên thành phố sẽ theo thứ tự phát âm trong tiếng Nhật. Cột ngoài cùng bên phải「Danh mục rác ngoại trừ giấy báo cũ」thì sẽ được quy định như sau: quần áo cũ・vải cũ, Lon nhôm, lon sắt.

Tên địa phương		Địa phương (Khu phố.Đường)	Tên quản lí・tự quản	Ngày thu gom	Danh mục thu gom rác ngoại trừ giấy báo cũ
な	Nakano	**Nakano 1 Chome** 1 ～ 8, 26, 27	Miyani Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 1 Chome 9 ～ 25, 28 ～ 31, 33 ～ 49, 51 ～ 53, 54 (Một phần), 56 (Một phần), 57 ～ 63	Nakano 1 Chome Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 1 Chome 32, 50, 54 (Một phần), 55, 56 (Một phần), **Nakano 2 Chome** 1, 2, 17	Miyasan Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 2 Chome 3 ～ 16, 18 ～ 23, 25 ～ 30, **Nakano 3 Chome** 31 ～ 33, 34 (Một phần)	Nakano Eki Nankou Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 3 Chome 1 ～ 14, 29, 30	Miyamomo Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 3 Chome15 ～ 28, 34 (Một phần), 35 ～ 50	Momozono Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 4 Chome 2, **Nakano 5 Chome** 25 ～ 39, 44 ～ 47, 54, 56 ～ 67	Uchikoshi Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 4 Chome 3 ～ 7, 11, 12 (Một phần), **Nakano 5 Chome** 68 (Một phần)	Arai Minami Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 4 Chome 10, 12 (Một phần), 13 ～ 21	Kakoicho Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 4 Chome 14 ～ 20	Kakoicho Chokai Seinenbu Yabusami Kai	Chủ 1 của tuần thứ 3	
		Nakano 4 Chome 22	Nogata 1 Chome Minami Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 5 Chome 1, 2, 3 (Một phần), 6 ～ 22	Tenjin Jichikai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 5 Chome 3 (Một phần), 4, 5, 23, 24, 40 ～ 43, 48 ～ 53, 55, 68 (Một phần)	Shousan Jichikai	Thứ 4	
		Nakano 6 Chome 1, 7 ～ 13, 16 ～ 29, 30 (Một phần), 31 (Một phần), 32 (Một phần)	Fumizono Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Nakano 6 Chome 2 ～ 6, 14, 15, 30 (Một phần), 31 (Một phần), 32 (Một phần)	Shouni Chokai	Thứ 7	
ぬ	Numabukuro	**Toàn bộ Numabukuro 1 Chome** , **Numabukuro 2 Chome** 1 ～ 18, 19 (Một phần), 23 ～ 31 **Numabukuro 3 Chome** 26 (Một phần), 27 (Một phần), 28 (Một phần), **Numabukuro 4 Chome** 1 (Một phần), 26 (Một phần), 27 (Một phần)	Numabukuro Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Numabukuro 2 Chome 19 (Một phần), 20 ～ 22, 32 ～ 40, **Numabukuro 4 Chome** 28 ～ 41	Egota 4 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Numabukuro 3 Chome (Trừ một phần khu 26-27-28), **Numabukuro 4 Chome** 1 (Một phần), 2 ～ 25, 26 (Một phần), 27 (Một phần)	Numabukuro Shinwa Kai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
の	Nogata	**Nogata 1 Chome** 1 ～ 9, 10 (Một phần), 19 ～ 35, 43 ～ 49, 54 ～ 56, 58	Nogata 1 Chome Minami Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Nogata 1 Chome 10 (Một phần), 11 ～ 18, **Nogata 2 Chome** 1, 2, 5, 6	Nogata Higashi Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Nogata 1 Chome 36 ～ 42, 50 ～ 53	Yamatocho Higashi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Nogata 1 Chome 57, **Toàn bộ Nogata 2 Chome** (Trừ khu 1, 2, 5, 6)	Nogata 2 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Nogata 3 Chome , **Nogata 5 Chome** 1 ～ 5, 7 (Một phần), 10 ～ 34, 35 (Một phần)	Nogata Minami Jichikai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Nogata 4 Chome (Trừ một phần khu 41, Trừ khu 42, 43, Trừ một phần khu 44) **Nogata 6 Chome** 1 ～ 35, 40 (Một phần), 41 ～ 44, 45 (Một phần), 47 (Một phần), 48 ～ 51	Nogata Kita Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Nogata 4 Chome 41 (Một phần), 42, 43, 44 (Một phần)	Maruyama Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Nogata 5 Chome 7 (Một phần), 8, 9	Yamatocho Kita Kyouwa Kai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Nogata 5 Chome 35 (Một phần), **Nogata 6 Chome** 36 ～ 39, 40 (Một phần), 45 (Một phần), 46, 47 (Một phần), 52, 53	Saginomiya 3 Chome Chokai	Thứ 3	
ひ	Higashi Nakano	**Higashi Nakano 1 Chome** 1, 15 ～ 23, 36 ～ 50	Higashi Ichi Higashi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Higashi Nakano 1 Chome 2 ～ 9, **Higashi Nakano 2 Chome** 1 ～ 3	Miyaichi Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Higashi Nakano 1 Chome 10 ～ 14, 24 ～ 35, 51 ～ 59	Hikawa Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Higashi Nakano 2 Chome 4 ～ 8, 17 ～ 28	Uenohara Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Higashi Nakano 2 Chome 9 ～ 16, 29 ～ 36	Takane Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Higashi Nakano 3 Chome 1 ～ 11, 13, 14, 22 ～ 24	Sakurayama Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Higashi Nakano 3 Chome 12, 15 ～ 21	Shouichi Bunka Kai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Higashi Nakano 4 Chome	Higashi Nakano 4 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Higashi Nakano 5 Chome	Higashi Nakano 5 Chome Otaki Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
ほ	Honcho	**Honcho 1 Chome** 1 ～ 12, 13 (Một phần), 15 (Một phần), 16 ～ 30	Honichi Aioi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 1 Chome 13 (Một phần), 14, 15 (Một phần), 31, 32	Nakahon Ichi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 2 Chome 1 ～ 28, **Honcho 3 Chome** 1, 7, 15	Tougou Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 2 Chome 29 ～ 45, 52, 53, **Honcho 3 Chome** 16, 17, 25, 26	Asahigaoka Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 2 Chome 46 ～ 51, 54	Honcho Doori 2 Chome Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 3 Chome 2 ～ 6, 8 ～ 14, 18 ～ 24, **Honcho 4 Chome** 1 ～ 4	Dougen Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 3 Chome 27 ～ 31	Honsan Miyamae Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 3 Chome 32, 33, **Honcho 4 Chome** 5	Honsan Nishi Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 4 Chome 6, 18 ～ 21, 29, 30, 43, 44	Nabeyoko Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 4 Chome 7 ～ 17, 22 ～ 28, 31 ～ 36, **Honcho 5 Chome** 48	Miyazato Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 4 Chome 37, 38, **Honcho 6 Chome** 1 ～ 13, 23, 24, 31 ～ 33, 39 ～ 41	Nishimachi Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 4 Chome 39 ～ 42, 45 ～ 48, **Honcho 6 Chome** 14 ～ 22	Shin Nakano Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Honcho 5 Chome (Trừ khu 48)	Chiyoda Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Honcho 6 Chome 25 ～ 30, 34 ～ 38, 42 ～ 45	Honcho Doori 6 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
ま	Matsugaoka	**Matsugaoka 1 Chome** 1 ～ 5, 7 ～ 33, **Matsugaoka 2 Chome** 7, 10 ～ 29	Matsugaoka Katayama Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Matsugaoka 1 Chome 6, **Matsugaoka 2 Chome** 1 ～ 6, 8, 9	Arai Kita Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Matsugaoka 1 Chome 34, 35, **Matsugaoka 2 Chome** 30 ～ 35	Egota 1 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Matsugaoka 2 Chome 36, 37	Asahi Kouminkan Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
	Maruyama	**Maruyama 1 Chome** 1	Egota 4 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Maruyama 1 Chome (Trừ khu 1), **Toàn bộ Maruyama 2 Chome**	Maruyama Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
み	Minamidai	**Minamidai 1 Chome** 1 ～ 8	Eiichi Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 1 Chome 9 ～ 14, **Minamidai 2 Chome** 1 ～ 22, **Minamidai 4 Chome** 3 (Một phần), 5 (Một phần), 6	Shinyama Doori Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 2 Chome 23 ～ 40, 41 (Một phần), 42, 45, 46, 48 (Một phần), 50 (Một phần), 51 (Một phần)	Minamidai 2 Chome Maehara Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 2 Chome 41 (Một phần), 43, 44, 47, 48 (Một phần), 49, 50 (Một phần), 51 (Một phần), 52, **Minamidai 3 Chome** 6 (Một phần), 22 ～ 25, 26 (Một phần), 27 (Một phần)	Sakaecho Doori 2 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 3 Chome 1 ～ 5, 6 (Một phần), 7 ～ 21, 26 (Một phần), 27 (Một phần), 28 ～ 44, 46 (Một phần)	Tada Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 3 Chome 45, 46 (Một phần), **Minamidai 5 Chome** 24, 25, 34 (Một phần)	Yayoi Roku Minamidai Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 4 Chome 1, 2, 3 (Một phần), 4, 5 (Một phần), 7 ～ 28, 33 ～ 36	Minamidai 4 Chome Higashi Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 4 Chome 29 ～ 32, 37 ～ 39, 44 (Một phần), 45 ～ 49, 52 ～ 65	Minamidai 4 Chome Nishi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 4 Chome 40 ～ 43, 44 (Một phần), 50, 51, **Minamidai 5 Chome** 1 ～ 16, 18 ～ 23	Yashima Jichikai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Minamidai 5 Chome 17, 26 ～ 33, 34 (Một phần)	Minamidai 5 Chome Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
や	Yamatocho	**Yamatocho 1 Chome** 1 ~ 7, 31, 66 ~ 68	Yamatocho Higashi Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Yamatocho 1 Chome 8 ～ 11, 16 ～ 30, 32 ～ 44, 56 ～ 65	Yamatocho Naka Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Yamatocho 1 Chome 12 ～ 15, **Yamatocho 2 Chome** 1, 2	Nogata 2 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Yamatocho 1 Chome 45 ～ 55	Yamatocho Ichiwa Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Yamatocho 2 Chome (Trừ khu 1, 2)	Yamatocho Kita Kyouwa Kai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Yamatocho 3 Chome, **YamatoCho 4 Chome** 1 ～ 41, 42 (Một phần), 46 (Một phần), 47 ～ 50, 51 (Một phần)	Yamatocho Seibu Jichikai	Thứ2	Quần áo cũ, vải cũ
		Yamatocho 4 Chome 42 (Một phần), 43 ～ 45, 46 (Một phần), 52, 53	Ronan Jichinokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
	Yayoicho	**Yayoicho 1 Chome** 1 ～ 11, 21 ～ 30, 52 ～ 60	Yayoicho 1 Chome Higashi Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 1 Chome 12 ～ 20, 31 ～ 37, 38 (Một phần), 40 ～ 51	Yaichi Mukoudai Chokai	Thứ7	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 1 Chome 38 (Một phần), 39 **Yayoicho 3 Chome** 1 (Một phần), 9 (Một phần), 10, 11, 12 (Một phần), 16 ～ 18, 23, 24 (Một phần), 25, 26	Eiichi Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 2 Chome 1 ～ 42	Yayoicho 2 Chome Chokai	Thứ 7	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 2 Chome 43 ～ 53, **Yayoicho 4 Chome** 1 (Một phần), 2 ～ 19, 26 ～ 37, **Yayoicho 5 Chome** 24 ～ 27	Shinmei Honsan Chokai Risaikuru No Kai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 3 Chome 1 (Một phần), 2 ～ 8, 9 (Một phần), 12 (Một phần), 13 ～ 15, 19 ～ 22, 24 (Một phần), 27 ～ 36	Yayoicho 3 Chome Chokai	Thứ 3	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 4 Chome 1 (Một phần), 20 ～ 25	Sakaecho Doori 2 Chome Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 5 Chome 1 ～ 23	Yayoicho 5 Chome Chokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 6 Chome 1, 2 (Một phần), 3 ～ 6, 8 ～ 14	Yayoi Roku Minamidai Chokai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Yayoicho 6 Chome 2 (Một phần), **7**	Koshahaimu Nakano Yayoicho Jichikai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ. lon nhôm. Lon sắt
わ	Wakamiya	**Wakamiya 1 Chome** 1 ～ 3, 4 (Một phần), 7 (Một phần), 8 (Một phần), 11 (Một phần)	Yamatocho Kita Kyouwa Kai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Wakamiya 1 Chome 4 (Một phần), 5, 6, 9, 17 ～ 23, 28 ～ 59	Wakamiya 1 Chome Chokai	Thứ 5	Quần áo cũ, vải cũ
		Wakamiya 1 Chome 7 (Một phần), 8 (Một phần), 10, 11 (Một phần), 12 ～ 16, 24 ～ 27	Nogata Minami Jichikai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Wakamiya 2 Chome (Trừ một phần khu 1, Một phần khu 2 , Trừ khu 56)	Ronan Jichinokai	Thứ 6	Quần áo cũ, vải cũ
		Wakamiya 2 Chome 1 (Một phần), 2 (Một phần)	Yamatocho Seibu Jichikai	Thứ 2	Quần áo cũ, vải cũ
		Wakamiya 2 Chome 56	Saginomiya Toei Jyutaku Jichikai	Thứ 4 của tuần thứ 2.tuần thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Wakamiya 3 Chome (Trừ khu 57, 58)	Wakamiya 3 Chome Chokai	Thứ 4	Quần áo cũ, vải cũ
		Toàn bộ Wakamiya 3 Chome 58	Saginomiya 3 Chome Chokai	Thứ 3	

リサイクル適性Ⓐ
この印刷物は、印刷用の紙へリサイクルできます。

～ Giấy này là giấy tái sử dụng. Sau khi sử dụng đưa ra khu tập kết giấy báo cũ với tư cách là tài nguyên (giấy có thể tái sử dụng). ～

【Địa chỉ liên hệ】 Ban thúc đẩy kế hoạch không có rác Quận Nakano
☎ 03(3228)5555　FAX 03(3228)5634